

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt bổ sung giá trị hỗ trợ và điều chỉnh giao đất tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu công nghệ phần mềm của Công ty TMA Solutions tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3681/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh và Quyết định số 3751/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB dự án khu công nghệ phần mềm của Công ty TMA Solutions tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (Đợt 2 - khu A và Đợt 2 - khu B);

Theo công văn số 1108/UBND-VX ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh về việc chủ trương cho áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh đối với các dự án tại Khu Đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa (Thung lũng Sáng tạo Quy Nhơn);

Theo Thông báo số 08/TB-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Hồ Quốc Dũng tại buổi họp nghe Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh báo cáo tình hình triển khai thực hiện công tác bồi thường, GPMB các dự án thuộc khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa (Thung lũng Sáng tạo Quy Nhơn) tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn;

Theo Thông báo số 54/TB-UBND ngày 27/03/2019 của UBND tỉnh thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Hồ Quốc Dũng và Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Châu tại buổi họp nghe Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh báo cáo một số vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB dự án Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa (Thung lũng Sáng tạo Quy Nhơn);

Xét đề nghị của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 82/TTr-HĐBT ngày 10/4/2019 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 313/TTr-STNMT ngày 18/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung giá trị hỗ trợ và điều chỉnh giao đất tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu công nghệ phần mềm của Công ty TMA Solutions tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, cụ thể như sau:

1. Về hỗ trợ bổ sung:

- Tổng giá trị bổ sung hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là: 7.366.346.050 đồng (*Bảy tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm năm mươi đồng*), trong đó:

+ Giá trị bổ sung hỗ trợ cho các hộ dân là: 7.207.775.000 đồng

+ Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 144.155.500 đồng

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 14.415.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường (70%) là 10.090.000 đồng).

+ Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 14.415.550 đồng

(Kinh phí dự phòng này nếu không sử dụng thì thực hiện hoàn trả lại ngân sách theo quy định).

- Nguồn vốn chi trả: Ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết như phụ lục 1 kèm theo Quyết định này)

2. Về tái định cư:

- Thu hồi 20 lô đất đã giao cho 11 hộ dân (tại Quyết định số 3681/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 và Quyết định số 3751/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh) với tổng diện tích thu hồi là 1.983,1m², tổng số tiền sử dụng đất là 3.709.405.000 đồng.

(Chi tiết như phụ lục 2 kèm theo Quyết định này)

- Giao lại 20 lô đất cho 11 hộ dân với tổng diện tích là 2.841,1m² và tổng số tiền sử dụng đất các hộ dân phải nộp là 5.563.964.000 đồng.

(Chi tiết như phụ lục 3 kèm theo Quyết định này)

Điều 2.

1. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh và các cơ quan liên quan đề xuất tạm ứng ngân sách tỉnh để kịp thời chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại do GPMB dự án nêu trên.

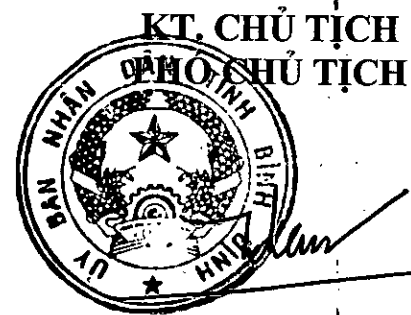
Điều 3.

1. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3681/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 và Quyết định số 3751/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *phap*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP QT;
- Lưu: VT, K4, K7, K16. *phap*



Trần Châu



Phụ lục 1
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỖ TRỢ BỔ SUNG CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM CỦA CÔNG TY TMA SOLUTIONS
THƯỜNG XÃ PHƯỜNG GHỀNH RÁNG, THÀNH PHỐ QUY NHƠN

(Kèm theo Quyết định số 1390 /QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích được bồi thường (m ²)				Giá trị hỗ trợ bổ sung (đồng)		
			Tổng	Đất ở	Đất vườn trong cùng thửa đất ở	Đất nông nghiệp khác	Hỗ trợ tiền trong thời gian xây dựng nhà ở	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở	Tổng
1	Nguyễn Ngọc Long, vợ Nguyễn Thị Ngọc Sa	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	1.206,5	150,00	1.056,50	0,0	9.000.000	625.000.000	634.000.000
2	Trần Quý Mới, vợ Nguyễn Thị Soi	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	1.261,0	120,47	1.140,53	0,0	9.000.000	625.000.000	634.000.000
3	Nguyễn Thành Long, vợ Mai Thị Hường	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	803,5	150,00	653,50	0,0	9.000.000	625.000.000	634.000.000
4	Nguyễn Tấn Hoàng, vợ Võ Thị Bích Loan	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	317,1	86,32	230,78	0,0	9.000.000	288.475.000	297.475.000
5	Nguyễn Tấn Phụng, vợ Trương Thị Hậu	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	313,7	139,53	174,17	0,0	9.000.000	217.712.500	226.712.500
6	Huỳnh Thị Trúc, chồng Nguyễn Văn Sinh	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	275,4	80,00	195,40	0,0	9.000.000	244.250.000	253.250.000
7	Nguyễn Văn Trọng, vợ Hà Thị Gái	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	977,0	155,14	821,86	0,0	9.000.000	625.000.000	634.000.000
8	Đào Văn Tuyển, vợ Phạm Thị Hồng	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	1.387,9	178,05	1.209,85	0,0	9.000.000	625.000.000	634.000.000
9	Đào Văn Cận, vợ Huỳnh Thị Lân	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	3.139,7	150,00	1.121,00	1.868,7	9.000.000	625.000.000	634.000.000

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích được bồi thường (m ²)				Giá trị hỗ trợ bổ sung (đồng)		
			Tổng	Đất ở	Đất vườn trong cùng thửa đất ở	Đất nông nghiệp khác	Hỗ trợ tiền trong thời gian xây dựng nhà ở	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở	Tổng
10	Đào Tấn Kế, vợ Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	1.205,8	187,87	1.017,93	0,0	9.000.000	625.000.000	634.000.000
11	Đào Thị Nương	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	445,9	80,00	365,90	0,0	9.000.000	457.375.000	466.375.000
12	Đinh Bình, vợ Trịnh Thị Thành	KV2, P. Ghềnh Ráng	612,3	132,71	479,59	0,0	9.000.000	599.487.500	608.487.500
13	Đào Văn Ân, vợ Nguyễn Thị Thép	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	639,1	165,91	473,19	0,0	9.000.000	591.487.500	600.487.500
14	Lê Thanh Tân, vợ Nguyễn Thị Sen	KV2, P. Ghềnh Ráng	275,6	117,81	157,79	0,0	9.000.000	197.237.500	206.237.500
15	Nguyễn Thị Sương, chồng Nguyễn Văn Hoan	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	161,4	80,00	81,40	0,0	9.000.000	101.750.000	110.750.000
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ		13.021,9	1.973,8	9.179,4	1.868,7	135.000.000	7.072.775.000	7.207.775.000
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) (Ax2%)								144.155.500
C	Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất (Bx10%)								14.415.550
D	Tổng cộng (A+B+C)								7.366.346.050

Phụ lục 2
BẢNG TỔNG HỢP CÁC LÔ ĐẤT THU HỒI DO ĐIỀU CHỈNH GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO HỘ DÂN BỊ
ẢNH HƯỞNG DO CEMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM CỦA CÔNG TY
TMA SOLUTIONS TẠI KHU VỰC 2, PHƯỜNG GHÈNH RÁNG, THÀNH PHỐ QUY NHƠN
 (Kèm theo Quyết định số 1390 /QĐ-UBND ngày 23 /4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Lô đất tái định cư được giao tại khu TĐC phục vụ dự án Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành					Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Lô số	Khu	Đường	Lộ giới	Diện tích (m ²)		
1	Nguyễn Ngọc Long, vợ Nguyễn Thị Sa	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	23	A2	Số 6	15,5m	100,0	190.000.000	
			22	A2	Số 6	15,5m	100,0	220.000.000	
2	Trần Quý Mới, vợ Nguyễn Thị Soi	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	19	A2	Số 6	15,5m	100,0	190.000.000	
			18	A2	Số 6	15,5m	100,0	237.718.000	
3	Nguyễn Thành Long, vợ Mai Thị Hương	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	17	A2	Số 6	15,5m	100,0	190.000.000	
			16	A2	Số 6	15,5m	100,0	220.000.000	
4	Nguyễn Văn Trọng, vợ Hà Thị Gái	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	5	A2	Số 6	15,5m	100,0	190.000.000	
			4	A2	Số 6	15,5m	100,0	216.916.000	
5	Đào Văn Tuyển, vợ Phạm Thị Hồng	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	50	A2	Số 6	15,5m	101,2	230.736.000	Lô góc
			49	A2	D1	12m	101,9	165.375.000	
6	Đào Văn Cận, vợ Huỳnh Thị Lân	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	29	A2	N2	13,5m	133,0	271.320.000	Lô góc
			28	A2	N2	13,5m	123,9	264.080.000	
7	Đào Tấn Kế, vợ Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	37d	A2	D1	12m	101,3	151.950.000	
			38d	A2	D1	12m	102,8	162.315.000	

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Lô đất tái định cư được giao tại khu TĐC phục vụ dự án Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành					Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Lô số	Khu	Đường	Lộ giới	Diện tích (m ²)		
8	Đào Thị Nương	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	48	A2	D1	12m	118,1	196.200.000	
9	Đinh Bình, vợ Trịnh Thị Thành	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	30	A2	D1	12m	76,7	115.050.000	
			31	A2	D1	12m	77,8	127.595.000	
10	Đào Văn Ân, vợ Nguyễn Thị Thép	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	36	A2	D1	12m	83,2	124.800.000	
			35	A2	D1	12m	82,1	123.150.000	
11	Nguyễn Thị Sương, chồng Nguyễn Văn Hoan	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	34	A2	D1	12m	81,1	122.200.000	
Tổng cộng							1.983,1	3.709.405.000	

Phụ lục 3
BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TẠI ĐỊNH CƯ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ
THỰC HIỆN DỰ ÁN CHU CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM CỦA CÔNG TY TMA SOLUTIONS TẠI KHU VỰC 2,
PHƯỜNG GHỀNH RÁNG, THÀNH PHỐ QUY NHƠN
(Kèm theo Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Diện tích đất vườn thu hồi (m ²)	Lô đất tái định cư được giao tại khu TĐC phục vụ dự án Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành					Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²)	Diện tích giao đất tái định cư vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
						Lô số	Khu	Đường	Lộ giới	Diện tích (m ²)						
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(6)x(7)+(8)x(9)	
1	Nguyễn Ngọc Long, vợ Nguyễn Thị Sa	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	1.206,5	150,00	1.056,50	16	A2	Số 6	15,5m	100,0	100,00	1.900.000	0,00	2.500.000	190.000.000	
						17d	A2	Số 6	15,5m	200,0	50,00	1.900.000	150,00	2.500.000	470.000.000	
2	Trần Quý Mới, vợ Nguyễn Thị Soi	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	1.261,0	120,47	1.140,53	19	A2	Số 6	15,5m	100,0	100,00	1.900.000	0,00	2.500.000	190.000.000	
						9d	A1	Số 6	15,5m	200,0	20,47	1.900.000	179,53	2.500.000	487.718.000	
3	Nguyễn Thành Long, vợ Mai Thị Hường	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	803,5	150,00	653,50	2d	A2	Số 6	15,5m	114,5	114,50	1.900.000	0,00	2.500.000	217.550.000	
						1	A2	Số 6	15,5m	161,8	35,50	1.900.000	126,30	2.500.000	383.200.000	
4	Nguyễn Văn Trọng, vợ Hà Thị Gái	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	977,0	155,14	821,86	5	A2	Số 6	15,5m	100,0	100,00	1.900.000	0,00	2.500.000	190.000.000	
						4d	A2	Số 6	15,5m	179,5	55,14	1.900.000	124,36	2.500.000	415.666.000	
5	Đào Văn Tuyển, vợ Phạm Thị Hồng	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	1.387,9	178,05	1.209,85	50	A2	Số 6	15,5m	101,2	101,20	2.280.000	0,00	3.000.000	230.736.000	Lô góc
						48d	A2	D1	12m	220,0	76,85	1.500.000	143,15	2.000.000	401.575.000	
6	Đào Văn Cận, vợ Huỳnh Thị Lân	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	3.139,7	150,00	1.121,00	28d	A2	N2	13,5m	106,6	106,60	2.040.000	0,00	2.640.000	217.464.000	Lô góc
						29d	A2	D1	12m	227,0	43,40	1.500.000	183,60	2.000.000	432.300.000	

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Diện tích đất vườn thu hồi (m ²)	Lô đất tái định cư được giao tại khu TĐC phục vụ dự án Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành					Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²)	Diện tích giao đất tái định cư vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
						Lô số	Khu	Đường	Lộ giới	Diện tích (m ²)						
	(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(6)x(7)+(8)x(9)	
7	Đào Tấn Kế, vợ Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	1.205,8	187,87	1.017,93	35d	A2	D1	12m	136,7	136,70	1.500.000	0,00	2.000.000	205.050.000	
						36d	A2	D1	12m	192,6	51,17	1.500.000	141,43	2.000.000	359.615.000	
8	Đào Thị Nương	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	445,9	80,00	365,90	46	A2	D1	12m	150,6	80,00	1.500.000	70,60	2.000.000	261.200.000	
9	Đinh Bình, vợ Trịnh Thị Thành	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	612,3	132,71	479,59	30d	A2	D1	12m	109,3	109,30	1.500.000	0,00	2.000.000	163.950.000	
						31d	A2	D1	12m	111,4	23,41	1.500.000	87,99	2.000.000	211.095.000	
10	Đào Văn Ân, vợ Nguyễn Thị Thép	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	639,1	165,91	473,19	32d	A2	D1	12m	113,5	113,50	1.500.000	0,00	2.000.000	170.250.000	
						33d	A2	D1	12m	115,6	52,41	1.500.000	63,19	2.000.000	204.995.000	
11	Nguyễn Thị Thương, chồng Nguyễn Văn Hoan	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	161,4	80,00	81,40	34d	A2	D1	12m	100,8	80,00	1.500.000	20,80	2.000.000	161.600.000	
Tổng cộng				1.550,15						2.841,1					5.563.964.000	